

QUYẾT ĐỊNH

Quy định về tiêu chí thiết kế mẫu, thiết kế điển hình hoặc áp dụng thiết kế sẵn có; danh mục loại dự án và tổng mức đầu tư tối đa một dự án thuộc danh mục loại dự án đặc thù thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn thành phố Huế

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật xây dựng số 135/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 358/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Quy định về tiêu chí thiết kế mẫu, thiết kế điển hình hoặc áp dụng thiết kế sẵn có; danh mục loại dự án và tổng mức đầu tư tối đa một dự án thuộc danh mục loại dự án đặc thù thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn thành phố Huế.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về tiêu chí thiết kế mẫu, thiết kế điển hình hoặc áp dụng thiết kế sẵn có; danh mục loại dự án và tổng mức đầu tư tối đa một dự án thuộc danh mục loại dự án đặc thù thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn thành phố Huế theo Điều 17 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quyết định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia quản lý, tổ chức thực hiện dự án đầu tư xây dựng thuộc danh mục loại dự án đặc thù thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn thành phố Huế.

Điều 3. Danh mục loại dự án đặc thù

Danh mục loại dự án đặc thù được thực hiện trên địa bàn 01 đơn vị hành chính cấp xã và do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý theo quy định tại khoản 1 Điều 17 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP bao gồm:

1. Công trình giao thông: Đường giao thông nông thôn; đường đô thị quy mô nhỏ; đường nội đồng, đường vào khu sản xuất tập trung.

2. Công trình thủy lợi: Công trình tích trữ nước quy mô nhỏ; hệ thống tưới tiên tiến, tiết kiệm nước; cống và kiên cố hóa kênh mương nội đồng; hệ thống công trình thủy lợi và phòng chống thiên tai quy mô nhỏ.

3. Công trình nước sạch: công trình cấp nước sinh hoạt tập trung quy mô nhỏ lẻ.

4. Trường học: Các trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học (không bao gồm cấp trung học phổ thông) do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý theo phân cấp.

5. Trạm y tế xã: Trạm y tế cấp xã và các công trình phụ trợ thuộc trạm y tế.

6. Công trình thoát nước thải và công trình xử lý rác thải tập trung: Công trình thoát nước thải, công trình xử lý rác thải quy mô nhỏ của thôn, tổ dân phố, xã, phường.

7. Công trình văn hoá, thể thao: Nhà văn hóa, hội trường đa năng, sân thể thao hoặc điểm vui chơi giải trí phục vụ sinh hoạt cộng đồng của thôn, tổ dân phố, xã, phường.

8. Công trình thương mại: Chợ nông thôn, chợ vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, chợ xã, phường quy mô nhỏ.

Điều 4. Tổng mức đầu tư tối đa của dự án thuộc danh mục loại dự án đặc thù

Tổng mức đầu tư tối đa của một dự án thuộc danh mục quy định tại Điều 3 Quyết định này là không quá 05 tỷ đồng.

Điều 5. Tiêu chí thiết kế mẫu, thiết kế điển hình, thiết kế sẵn có

1. Thiết kế mẫu:

a) Bảo đảm tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng;

b) Thiết kế mẫu được cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc chấp thuận áp dụng theo quy định;

c) Được áp dụng đối với công trình cùng loại, có quy mô chủ yếu tương đồng, yêu cầu kỹ thuật cơ bản giống nhau.

2. Thiết kế điển hình:

a) Bảo đảm tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng;

b) Hồ sơ thiết kế điển hình dự kiến áp dụng phải thuộc danh mục đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, ban hành hoặc chấp thuận áp dụng trên địa bàn theo quy định của pháp luật;

c) Được áp dụng đối với công trình có tính chất, công năng sử dụng, quy mô và yêu cầu kỹ thuật cơ bản tương tự công trình đã có thiết kế điển hình; việc

áp dụng thiết kế điển hình chỉ được điều chỉnh cục bộ cho phù hợp với điều kiện thực tế và không làm thay đổi giải pháp kỹ thuật chủ yếu của công trình.

3. Thiết kế sẵn có:

a) Hồ sơ thiết kế sẵn có dự kiến áp dụng đã được lập, thẩm định, phê duyệt theo quy định của pháp luật; đã được áp dụng trong thực tế và chứng minh hiệu quả, còn phù hợp để kế thừa;

b) Được áp dụng cho công trình cùng loại hoặc tương tự về công năng, quy mô và yêu cầu kỹ thuật.

4. Thiết kế mẫu, thiết kế điển hình hoặc thiết kế sẵn có chỉ được áp dụng khi phù hợp với quy mô đầu tư, điều kiện thực tế của địa phương và đáp ứng yêu cầu của pháp luật về xây dựng, quản lý chất lượng công trình xây dựng, pháp luật về phòng cháy và chữa cháy.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Sở Xây dựng chủ trì hướng dẫn, theo dõi và kiểm tra việc thực hiện Quyết định này; tổng hợp khó khăn, vướng mắc phát sinh, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định theo thẩm quyền.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn, phối hợp kiểm tra việc thực hiện đối với các dự án thuộc lĩnh vực thủy lợi, cấp nước sạch sinh hoạt và các lĩnh vực khác thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở; phối hợp với Sở Xây dựng trong quá trình tổ chức thực hiện Quyết định này.

3. Các sở, ban, ngành thành phố trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm phối hợp với Sở Xây dựng tổ chức thực hiện Quyết định này.

4. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm:

a) Rà soát, lựa chọn thiết kế mẫu, thiết kế điển hình hoặc áp dụng thiết kế sẵn có đối với dự án thuộc danh mục quy định tại Điều 3 Quyết định này, bảo đảm đáp ứng các tiêu chí quy định tại Điều 5 Quyết định này;

b) Quyết định việc áp dụng thiết kế mẫu, thiết kế điển hình hoặc thiết kế sẵn có đối với từng dự án theo quy định của pháp luật;

c) Chịu trách nhiệm về tính phù hợp của việc lựa chọn, áp dụng thiết kế mẫu, thiết kế điển hình hoặc thiết kế sẵn có; xác định quy mô đầu tư, tổng mức đầu tư và tổ chức thực hiện dự án theo đúng quy định của pháp luật.

5. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương phản ánh về Sở Xây dựng để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định.

Điều 7. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 9 năm 2026.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc các Sở; Thủ trưởng các ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 7;
- Thường vụ Thành ủy (b/c);
- Thường trực HĐND thành phố (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND thành phố;
- CVP, các PCVP UBND thành phố;
- Lưu: VT, XDCB.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Hoàng Hải Minh